

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày 26 - 3 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đới

2. Ông Nguyễn Lý Hùng

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1022/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ). Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Tiếng l chỗ quen biết bạn bè với nhau, ngày 09/3/2023 ông có cho bà T mượn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) hai bên có làm giấy tay có người làm chứng. Bà T hứa trong vòng 30 ngày sẽ trả lại 330.000.000 đồng nhưng quá 01 tháng bà T không trả ông có liên lạc nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà cố tình né tránh không trả tiền làm ảnh hưởng quyền lợi của ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng cho bà nhưng bà không có ý kiến phản hồi gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Ông Nguyễn Văn P là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tiếng l người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn P yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; ông Nguyễn Văn P có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: ông P khởi kiện yêu cầu bà T trả 330.000.000 đồng tiền mượn. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do nguyên đơn cung cấp gồm có: Giấy mượn tiền ngày 09/3/2023.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt: Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung:

Bà T có thỏa thuận với ông P mượn 300.000.000 đồng vào ngày 09/3/2023. Thời hạn mượn 01 tháng, theo giấy nợ ghi thì các bên không thỏa thuận lãi suất nên trong giấy ghi bà T tự nguyện trả cho ông P 30.000.000 đồng vào ngày 09/4/2023. Tuy nhiên đến hạn và T không trả cố tình né tránh trách nhiệm trả nợ. Bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà vẫn không đến Tòa án phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Xét việc chậm trả của bà T làm ảnh hưởng quyền

lợi ông P nên cần buộc bà T trả ông P 330.000.000 đồng. Ông P không yêu cầu tính lãi nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn P 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T phải nộp 16.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà Nước. H lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí là 8.250.000 đồng theo biên lai số 0005592 ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng T1